| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S1**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số **117**/2022/HS-ST
Ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S1, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bàn Văn Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Vượng

Ông Hoàng Văn Hùng.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S1 tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2022/TLST-HS, ngày 20 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1. Nịnh Cao Cường**, sinh ngày 29/01/1988, tại S1, Tuyên Quang.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn D1, xã Đ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nịnh Văn P1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1959; vợ: Phan Thị P, sinh năm 1990; Có 03 con, con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2015/HS-PT ngày 18/5/2015 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc, thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án (18/5/2015), ghi nhận Nịnh Cao Cường đã nộp 3.000.000 đồng tiền phạt và án phí HSST 200.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2022 đến ngày 10/8/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Kim Tuyến – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

**2. Nguyễn Quốc T**, sinh ngày 15/01/1986, tại S1, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn S2, xã Đ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S2, sinh năm 1961và bà Phan Thị N2, sinh năm 1963; vợ: Trần Thu H, sinh năm 1992; Có 01 con, sinh năm 2013; Đảng viên Đảng Cộng sản

Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 80-QĐ/UBKTHU ngày 04/11/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy S1); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2022 đến ngày 10/8/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**3. Phạm Văn D**, sinh ngày 10/7/1984, tại S1, Tuyên Quang.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã Đ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Sỹ Họa, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1948; vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

- Bản án số 91/2007/HS-ST ngày 09/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, án phí HSST 50.000 đồng về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản (Đã chấp hành xong).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 167 ngày 04/8/2016 của Trưởng Công an huyện S1 phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 08/8/2016 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2022 đến ngày 10/8/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

**4. Trần Đình T**, sinh ngày 29/12/1989, tại S1, Tuyên Quang.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn S2, xã Đ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Tĩnh (Đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1944; vợ: Lê Thị L, sinh năm 1986; Có 01 con, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 164 ngày 04/8/2016 của Công an huyện S1 phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 12/8/2016 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2022 đến ngày 10/8/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Kim Tuyến – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

**5. Nguyễn Đức T1**, sinh ngày 22/3/1978, tại S1, Tuyên Quang.

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã Đ, huyện S1, tỉnh T; nơi ở hiện tại: Thôn D1, xã Đ, huyện S1, tỉnh T. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức V (Đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1947; vợ: Nịnh Thị T2, sinh năm 1986; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị N1 – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/8/2022, Phạm Văn D, trú tại thôn An Thịnh và Trần Đình T, trú tại thôn S2, xã Đ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang đến nhà mới của Nguyễn Đức T1, tại thôn D1, xã Đ ăn cơm, uống rượu (T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn An Thịnh, xã Đ). Sau khi ăn cơm xong thì có Nguyễn Quốc T, trú tại thôn S2, xã Đ và Nịnh Cao Cường, trú tại thôn D1, xã Đ đến ngồi chơi uống nước. Khoảng 14 giờ cùng ngày, thì mọi người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây, được thua bằng tiền, có người hỏi T1 "Cho bọn em chơi một tí", T1 hiểu là cho đánh bạc nên đồng ý bảo xuống bếp đánh (không xác định được ai là người rủ rê, khởi xướng, ai là người hỏi T1 mượn địa điểm để đánh bạc) khi D, T, Cường xuống gian bếp nhà T1 thấy có 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh đã trải sẵn ở nền. T nói với T1 cho em mượn bộ bài, T1 vào buồng ngủ cầm ra 01 bộ bài T lơ khơ để ở bàn uống nước. T cầm bộ bài T lơ khơ xuống bếp đưa cho T bóc bộ bài và chọn 36 quân bài để đánh bạc; do T không mang theo tiền nên đã vay của Cường 4.000.000 đồng để đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc gồm có Cường, T, D, T. Trong quá trình đánh bạc có Lê Hồng Quân và Lê Quốc Đoàn, cùng trú tại thôn Đào Tiến, xã Hào Phú, huyện S1 đến ngồi xem không tham gia đánh bạc. Sau đó T1 khoá ngoài cửa bếp lại không cho mọi người ở ngoài biết việc đánh bạc và cất chìa khoá vào Ti quần đang mặc.

Hình thức đánh bạc là sử dụng 36 quân bài T lơ khơ từ A đến 9 trước khi đánh chia cho mỗi người 3 quân bài, ai cao điểm nhất sẽ là người cầm cái. Những người chơi còn lại sẽ cược với người cầm cái. Từ ván thứ hai trở đi, ai được 10 điểm sẽ là người cầm cái, mức cá cược thấp nhất là 100.000đồng/ván, những người tham gia đánh bạc có thể cược tiền với nhau, ai thắng thì được hưởng số tiền người thua đã cược. Sau khi được chia 3 quân bài thì người chơi sẽ so sánh điểm với người cầm cái, nếu thắng thì được số tiền tương đương với số tiền đặt cược, nếu thua thì mất số tiền đặt cược. Cách tính điểm như sau: Quân bài A là 1 điểm, các quân bài từ 2 đến 9 tương ứng từ 2 đến 9 điểm. Số điểm cao nhất khi cộng ba quân bài là 10, nếu vượt quá 10 thì sẽ tính điểm ở hàng đơn vị, nếu bài bằng điểm nhau thì so sánh đến chất theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận đã sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 15.900.000 đồng, cụ thể như sau:

- Nguyễn Quốc T sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, thắng bạc đã bỏ hết tiền xuống chiếu bạc.

- Phạm Văn D sử dụng 4.400.000 đồng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, thua bạc đã bỏ hết tiền xuống chiếu bạc.

- Trần Đình T sử dụng 4.000.000 đồng (vay của Cường) để đánh bạc. Khi bị phát hiện, thắng bạc đã bỏ hết tiền xuống chiếu bạc.

- Nịnh Cao Cường sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, cho T vay 4.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, thua bạc đã bỏ hết tiền xuống chiếu bạc.

- Nguyễn Đức T1 là người cho các bị cáo mượn địa điểm do mình sở hữu, quản lý và bộ T lơ khơ để đánh bạc, đồng phạm về tội đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an xã Đ kiểm tra, phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 15.900.000 đồng, 36 quân bài T lơ khơ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S1 đã phát hiện và thu giữ thêm: 16.797.000 đồng của Ninh Cao Cường để trong thùng gạo, không sử dụng vào việc đánh bạc và 710.000 đồng trong 01 chiếc ví giả da màu đen của Phạm Văn D.

*Về vật chứng:* Cơ quan CSĐT Công an huyện S1 đã tạm giữ: 36 quân bài T lơ khơ, 01 chiếu nhựa, 01 ví giả da màu đen. Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 33.407.000 đồng (Trong đó: 15.900.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc; 16.797.000 đồng thu giữ của Cường và 710.000 đồng thu của D); 01 xe mô tô Honda Winnerx, màu sơn đen xanh biển số 22B2-636.26 của Trần Đình T; 01 xe mô tô Honda Winnerx màu sơn xanh đen bạc biển số 61C1-974.64 của Phạm Văn D; 01 xe mô tô Honda Wave Alpha màu sơn đỏ đen bạc biển số 22B2-349.10 của Nguyễn Quốc T. Ngày 03/10/2022 Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô cho T, D, T.

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 115/CT-VKSSD, ngày 19/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện S1 đã truy tố Nguyễn Quốc T, Phạm Văn D, Trần Đình T, Nịnh Cao Cường và Nguyễn Đức T1 về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phạm Văn D, Trần Đình T, Nịnh Cao Cường và Nguyễn Đức T1 phạm tội "*Đánh bạc"*

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nịnh Cao Cường từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 08 (tám) đến 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

Ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51; Điều 58, 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 15.900.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S1, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S1; Tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài T lơ khơ và 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng; Trả lại số tiền 16.797.000 đồng cho bị cáo Nịnh Cao Cường và trả lại số tiền 710.000 đồng và 01 ví giả da màu đen cho bị cáo Phạm Văn D, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã T1 khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ, biên bản, sơ đồ, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 40 phút ngày 07/8/2022, tại nhà ở của Nguyễn Đức T1 thuộc thôn D1, xã Đ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Nguyễn Quốc T, Phạm Văn D, Trần Đình T và Nịnh Cao Cường đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây, được thua bằng tiền. T là người hỏi T1 cho mượn bộ bài T lơ khơ, T là người bóc bộ bài và chọn 36 quân bài làm dụng cụ đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **15.900.000 đồng** (Trong đó: Nguyễn Quốc T sử dụng 5.000.000 đồng, Phạm Văn D sử dụng 4.400.000 đồng, Trần Đình T sử dụng 4.000.000 đồng, Nịnh Cao Cường sử dụng 2.500.000 đồng). Nguyễn Đức T1 không tham gia đánh bạc, nhưng là người cho các bị cáo mượn địa điểm và bộ T lơ khơ để đánh bạc, là

người khoá cửa trông coi cho các bị cáo đánh bạc, nên hành vi của T1 đồng phạm về tội Đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

Các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ. Các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền và vai trò khác nhau. Bị cáo Nguyễn Quốc T sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất là 5.000.000 đồng, Nịnh Cao Cường sử dụng 2.500.000 đồng và cho bị cáo T vay 4.000.000 đồng để đánh bạc, Phạm Văn D sử dụng 4.400.000 đồng, Trần Đình T sử dụng 4.000.000 đồng, Nguyễn Đức T1 không tham gia đánh bạc, nhưng là người cho các bị cáo mượn địa điểm và bộ T lơ khơ để đánh bạc, là người khoá cửa trông coi cho các bị cáo đánh bạc, nên cần căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội để quyết định hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Đình T, Nguyễn Đức T1 được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Nguyễn Quốc T có ông nội là Liệt sỹ Nguyễn Đình Tuyên, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Các bị cáo Nịnh Cao Cường, Phạm Văn D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nịnh Cao Cường có bố là ông Nịnh Văn Phương được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Kỷ niệm chương; bị cáo Phạm Văn D có bố là ông Phạm Sỹ Họa được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**[3]** Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo để giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng; bị cáo T, T, T1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Cường, D tuy đã bị Tòa án xét xử, nhưng đã được xóa án tích và được coi là có nhân thân tốt. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc các

bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục; bị cáo Nguyễn Đức T1 phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Xét các bị cáo không có có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[4] Về vật chứng:

- Đối với 36 quân bài T lơ khơ và 01 chiếu nhựa, là vật chứng của vụ án, các bị cáo sử dụng để đánh bạc, hiện không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 33.407.000 đồng. Trong đó:

+ Số tiền 15.900.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Số tiền 16.797.000 đồng của Nịnh Cao Cường để trong thùng gạo không sử dụng vào việc đánh bạc và 710.000 đồng trong 01 chiếc ví giả da màu đen của Phạm Văn D. Đây là số tiền các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc, là tài sản của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 xe mô tô Honda Winnerx, màu sơn đen xanh biển số 22B2-636.26 của Trần Đình T; 01 xe mô tô Honda Winnerx màu sơn xanh đen bạc biển số 61C1-974.64 của Phạm Văn D; 01 xe mô tô Honda Wave Alpha màu sơn đỏ đen bạc biển số 22B2-349.10 của Nguyễn Quốc T. Ngày 03/10/2022 Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô cho T, D, T. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

**[5]** Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**[6]** Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, ghi âm, ghi hình, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Các vấn đề khác: Không.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**I. Về tội danh.**

Tuyên bố các bị cáo Nịnh Cao Cường, Nguyễn Quốc T, Phạm Văn D, Trần Đình T và Nguyễn Đức T1 phạm tội "*Đánh bạc*".

**II. Về hình phạt.**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự; căn cứ thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Đình T và Nguyễn Đức T1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nịnh Cao Cường, Nguyễn Quốc T, Phạm Văn D.

- Xử phạt bị cáo Nịnh Cao Cường **11** (Mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 22 (Hai mươi hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2022).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T **10** (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 20 (Hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D **10** (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 20 (Hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2022).

- Xử phạt bị cáo Trần Đình T **09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2022).

Giao bị cáo Nịnh Cao Cường, Nguyễn Quốc T, Phạm Văn D, Trần Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S1 nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 **07** (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

**III. Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 15.900.000đ *(Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S1, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S1.

- Tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài T lơ khơ và 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng.

- Trả lại số tiền 16.797.000đ (*Mười sáu triệu bẩy trăm chín mươi bẩy nghìn đồng*) cho bị cáo Nịnh Cao Cường, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại số tiền 710.000đ (*Bẩy trăm mười nghìn đồng*) và 01 ví giả da màu đen cho bị cáo Phạm Văn D, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2022 giữa Công an huyện S1 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S1).*

**IV. Về án phí và quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2022)./.

| **T1 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
|---|---|
| **Phạm Văn Vượng Hoàng Văn Hùng** | **Bàn Văn Thế** |

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S1;
- Công an huyện S1;
- Chi cục THADS huyện S1;
- UBND xã Đ, huyện S1;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bàn Văn Thế**